

1- Việt Nam có hai địa danh độc đáo, tuyệt vời, mang biểu tượng rồng (thú thiêng, đứng đầu hàng Tứ linh "Long, Lân (Ly), Quy, Phượng (Phụng)").

1.1- Thăng Long: Rồng bay (lên trời, biểu tượng kinh thành - thủ đô Hà Nội, được UNESCO tặng danh hiệu "Thành phố Hoà bình", khu phố cổ là di sản văn hoá quốc gia.

1.2- Hạ Long: Rồng (từ trời xanh) hạ xuống khu thắng cảnh (và di tích) đẹp vào bậc nhất Việt Nam, có lúc được coi là "kỳ quan thứ 8 của thế giới" ("huitième merveille du monde") và đã được UNESCO cấp Bằng Di sản thế giới. Có Hạ Long, Bái Tử Long, Bạch Long Vĩ (đảo) đều

\* ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ở khu Vịnh này có cát trắng nổi tiếng 90% thuỷ tinh, than đen nổi tiếng, Anthracit, in đầy thân, lá cây thượng cổ.

**2- Chẳng cần đợi người thiên hạ đến thế kỷ 20 mới ca ngợi Hạ Long, đức Úc Trai - Nguyễn Trãi đã dùng chữ “kỳ quan” để trở vùng Hạ Long-Bái Tử Long ngay từ đầu thế kỷ 15:**

Lộ nhập Vân Đồn san phục san  
Thiên khôi địa thiết phó kỳ quan...

(Tạm dịch: Đường tới Vân Đồn núi núi non, Trời bày đất đặt cảnh kỳ quan).

Thiên - Địa - Nhân là “tam tài” (ba thế lực vũ trụ) tạo nên danh thắng - di tích như Hạ Long, không chỉ là “Sơn thuý hữu tình”...

**3- Vân Đồn: (đồn binh ở chân núi mây):**

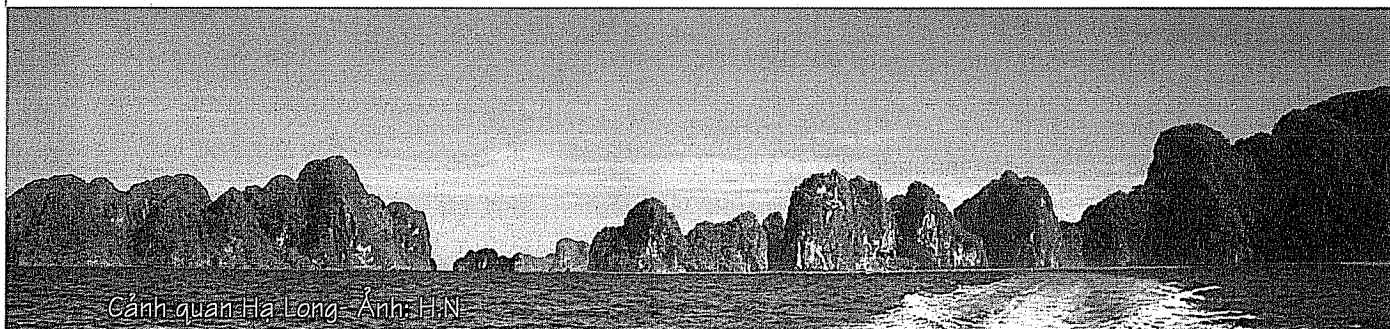
Là một hải cảng lớn của nước Việt thời Nam thời Lý - Trần - Lê quân chủ thịnh đạt mà nhà sử - khảo cổ học Nhật Bản nổi tiếng thế giới từng đứng đầu ngành “Việt Nam học” (Vietnamese studies) Nhật ở thế kỷ 20 tên gọi Yamamoto Tatsuro (Sơn Bản Đạt Lang) đã dành cho “Nó” một công trình nghiên cứu lớn (An Nam mậu dịch cảng Vân Đồn, Tokyo, 1937). Rồi lại đến nhà khảo cổ học lớn Pháp quốc M.Colani đã đến thăm thú điền dã từ 1938 và đã phát hiện ra một loạt di chỉ khảo cổ với đồ gốm văn khắc, trở lở độc đáo và những chiếc riu - bôn đá “có vai - có nấc” (shouldered & stepped adzes) nổi tiếng toàn vùng Châu Á-Thái Bình Dương (Asian-Pacific Area), niên đại sớm nhất khoảng trên 4.000 năm. Sau 1954, đến lượt các nhà khảo cổ - văn hoá học Việt Nam làm giàu có thêm các di sản văn hoá tương đồng và mệnh danh hẳn hoi nó là “Văn hoá Hạ Long” (xem Hà Văn Tấn: Theo dấu các nền văn hoá cổ, Hà Nội, 1997).

**4- Không chỉ thế.** Các nhà khảo cổ - văn hoá học Việt Nam còn làm giàu cho Hạ Long - Quảng Ninh một di sản đá cũ (niên đại

khoảng 10 vạn năm) ở di chỉ *Đá mài* sát biên giới Việt Trung và di chỉ *Soi Nhụ* (hang động vùng Cẩm Phả - Vân Đồn) có dạng tương tự các hang động thuộc các nền văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn nổi tiếng thế giới với niên đại khoảng từ 2 vạn đến 1 vạn năm cách ngày nay (thời Tây cũng đã thấy di chỉ Giáp Khẩu ở Cửa Lục). Tôi chính là người phát hiện ra di chỉ Soi Nhụ, đó là khi tôi được Tỉnh uỷ Quảng Ninh và Huyện uỷ Cẩm Phả mời đến họp ở nơi này thời chống Mỹ cứu nước (1965). Trường Đại học Tổng hợp của tôi (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội) là đơn vị kết nghĩa với Quảng Ninh (với Trung tâm Than Hòn Gai - Cẩm Phả - Cửa Ông) theo chiến lược kết hợp Công-Nông-Binh-Trí của Đảng ta từ sau Đại hội III (1960). Tôi cùng Bí thư Đảng bộ Trường Lê Linh (vốn là Bí thư Hải Ninh) đã đến Quảng Ninh thời bình, đã được chiêm ngắm những chiếc ly rượu chân cao sứ men ngọc thế kỷ 10-11 (thời Tống-Lý) ở trụ sở UBND tỉnh. Tôi đã cùng GS. cố vấn Liên Xô về khảo cổ Việt Nam P.I.Boriskovski ra đảo Tuần Châu (1960-1961) mà người Pháp gọi là đảo Hươu (Ile du cerf) và đã sưu tập được rất nhiều riu bôn có vai-có nấc, rất nhiều tiền đồng thời Đinh-Tiền Lê (thế kỷ 10 đầu thế kỷ 11) với những niên hiệu khắc - đúc trên tiền: “Thái Bình thông bảo” “Thiên Phúc thông bảo” mà trẻ mực đồng trên đảo đã nhặt được trên bãi cát nương ngô, dùng để chơi đánh đáo, đã trao tặng lại giới khảo cổ Việt - Nga. Đó là một phát hiện lớn lao tại vùng đảo Hạ Long này, một chứng minh về việc giao lưu kinh tế văn hoá thuộc chủ quyền Đại Cổ Việt - Đại Việt từ thế kỷ 10.

**5- Lại không chỉ thế!**

Đến thời “Chiến” (chống Mỹ), bom rơi đạn nổ liên miên ở “xứ sở vàng đen” mà đơn vị kết nghĩa (Đại học Tổng hợp Hà Nội) không có đoàn nào ra Hạ Long thì có thể bị mang tiếng là *hèn*, là *nhát*, trí thức chỉ biết *hưởng thụ!* Tôi



Cảnh quan Hạ Long - Ảnh: H.N

nêu ý kiến này và được nhà trường vui vẻ cử làm "trưởng đoàn" để vãn ra thăm miền huyện đảo Vân Đồn (chữ nghĩa của bậc văn nhân lớn Nguyễn Tuân), đơn vị kết nghĩa anh em. Đoàn chúng tôi, ai nấy đều bỏ dép, chạy nhanh qua khu vực có biển gồ ghề "nguy hiểm, có nhiều bom (bom tạ, bom bi) chưa nổ" để đến bán đảo "Kế Bào" (Cái Bào) rồi đi xuống máy của bộ đội biên phòng ra đảo "Cái Bàn" (Ile de la table tên Tây), nơi có "Núi Vân" cao nhất, là chủ sơn của "huyện đảo" rồi ra "Quan Lạn" (Tây gọi là Cù lao Lợn Lòi - Ile du sanglier), có bến cảng cổ "Cái Làng" đầy ắp gổm vỡ, gổm lành trong lục địa xứ Đông (Hải Dương) được chuyển ra đây để "xuất khẩu" sang Nhật, sang các nước Đông Nam Á khác. Gổm sứ Đại Việt có niên đại thế kỷ 14, 15, 16, 17 và muộn hơn nữa. Chúng tôi được viếng thăm "Giếng Hệu" cổ nước còn trong vắt và thu được những câu thành ngữ-ca dao "phi vật thể" cổ tựa như:

"Gái Liễu Mai (Quan Lạn - Cái Làng)

Trai làng Vân (Vân Đồn - Cái Bàn)

"Ngày đi (ra đảo) tóc chứa chấm ngang vai  
Tắm/uống nước giếng Hệu tóc dài ngang

hông".

Chúng tôi chèo thuyền qua "sông Kênh" (thờ đức Lý Thường Kiệt (thế kỷ 11) gọi cả vùng Vịnh Hạ Long là "sông Đông Kênh" - xem Hoàng Xuân Hãn; Lý Thường Kiệt (2 tập) Hà Nội, 1951 (được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh) sang vùng Xóm "Bảy bếp" trực thuộc làng/xã Quan Lạn và phát hiện ra 7 ngôi mộ gạch cổ mà sau đó một ngôi mộ này được Đỗ Văn Ninh (nay là PGS hồi hưu) và Trịnh Cao Tường (PGS.TS vừa quá cố) khai quật, bên trong thấy nhiều gổm sứ Đông Hán - Lục Triều (thế kỷ 2-6) và đặc biệt nhất là thấy Trống đồng Đông Sơn muộn.

Đấy là chứng cứ vật thể rõ ràng của sự giao thoa văn hóa Việt-Hoa ở vùng biển Hạ Long - Bái Tử Long ở Đông Bắc Tổ quốc từ các thế kỷ đầu Công nguyên.

**6- Một hôm, vào khoảng hè 1967**, khi tôi đang ở rể bên nhà vợ tại phố Mã Mây, lúc bấy giờ tôi đi vắng, theo mẹ vợ tôi kể lại, có một ông già tóc bạc treo lên lầu, nói: "Tôi tên là Tuân, muốn gặp *đồng chí Vượng*". Mẹ tôi: Thưa cụ, cháu nó đi vắng, khi cháu về tôi sẽ nói lại, xin cụ cho biết cụ ở đâu? Không có trả lời. Khi tôi về, nghe Bà nói lại, tôi nghĩ ngay chắc đó là

nhà văn lớn Nguyễn Tuân. Bèn vội vàng đạp xe xuống ngõ Vạn Kiếp đường Trần Hưng Đạo gặp Nguyễn Tuân.

- Thưa Bác, chắc bác vừa đến Mã Mây định gặp kẻ ngu hèn này...

- Đúng, tôi vừa ở huyện đảo Cẩm Phả về. Đến Quan Lạn, nghe bà Bí thư Đảo uỷ bảo: Anh Vượng cũng vừa đến đảo trước ông. Cái đình trên đảo đã bị bom Mỹ làm sụp đổ tan nát rồi. Tôi hỏi bà Bí thư: Đình thờ ai? Bà bảo: Trước trong đình có cái "bài vị", tên thành hoàng trên đó, mờ lắm rồi, lại chiều chụp tối, tôi thấy Anh Vượng (Trần Quốc Vượng) thấp hương cúng rồi đem ra ngoài, cứ xoay nghiêng, xoay ngả mãi để đọc rồi kêu lên: Ôi quý hoá quá, Đình này thờ ba vị giúp đức Trần Khánh Dư đánh trận Vân Đồn cuối năm 1287. Rồi cái anh Vượng ấy ghi ghi chép chép vào sổ tay, toàn chữ Hán. Tôi cứ giục anh ấy về ăn cơm tối, không tiện hỏi thêm. Thế là anh Vượng là *người cuối cùng* vừa được đọc cái bài vị, nay đã mất vì bọn giặc Mỹ. Ông về Hà Nội mà hỏi anh Vượng, nếu ông muốn biết kỹ càng hơn...

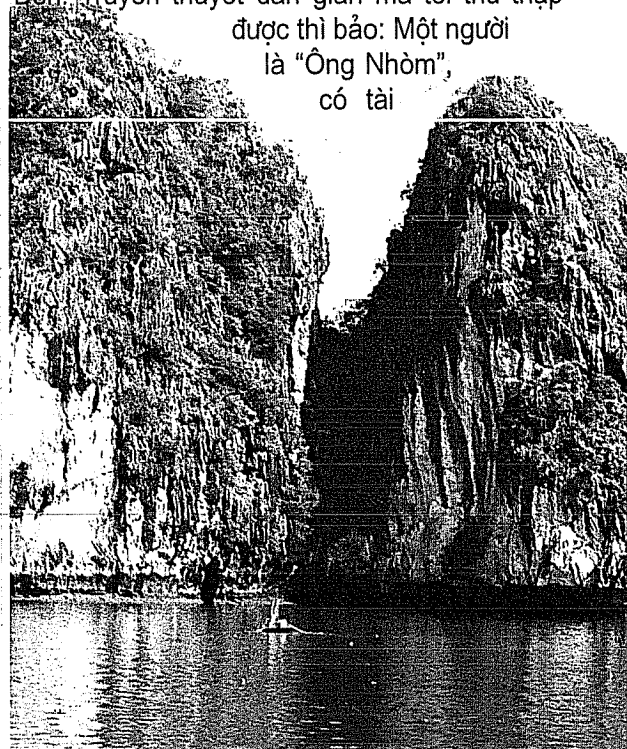
Tôi vừa về, hỏi mãi mới biết địa chỉ anh "ăn nhờ ở đậu" vội lên định hỏi thì chủ nhà bảo anh đi vắng. Thế nó ra làm sao?

- Thưa Bác Nguyễn, quả là bài vị sơn son viết chữ vàng, đã mờ lắm, và tôi cũng dốt chữ, đèn không có, chiều tối rồi, loay hoay mãi mới đọc được "lỗ mỗ": Đấy là ba vị họ Phạm, làm nghề đánh cá, thường dân ở đảo giúp đức Nhân Huệ Vương (Trần Khánh Dư) đánh trận Vân Đồn. Truyền thuyết dân gian mà tôi thu thập

được thì bảo: Một người

là "Ông Nhòm",

có tài



nhìn xa, thấy thuyền địch vào, ông thứ hai là "Ông Hồ" có tài "ăn sóng nói gió" bèn hô hoán lên cho quân dân trên đảo biết, còn ông thứ ba, là "Ông Đục" có tài đục thuyền, lặn giỏi, bơi tài, đã bơi lặn ra đục chìm thuyền giặc, có vẻ như kiểu Yết Kiêu Dã Tượng chép trong sử ấy bác ạ...

Bác Nguyễn Tuân, với cái mũi "nhòm mờ" và bộ râu mép vô cùng độc đáo cười khà khà: Tốt... tốt, cảm ơn anh và bác "thết" tôi, thưởng tôi một chén rượu "nước mưa", ngon tuyệt vời!

Ít lâu sau, thấy trên báo Văn nghệ đăng bài ký của Nguyễn Tuân với nhan đề (hình như) là "Huyện đảo Vân Đồn".

**7- Đến trong khoảng 1986 - 1989**, bắt đầu thời đổi mới, mở cửa, thị trường của Việt Nam, Trung tâm liên văn hoá của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (do tôi phụ trách) đã "chơi" với mấy trường Đại học Úc quanh Dự án "Nghiên cứu về sản xuất và buôn bán gôm Việt Nam". Đoàn khảo cổ hỗn hợp Việt - Úc đã tổ chức khai quật ở nhiều lò gôm - sứ cổ ở Hải Dương (Cây, Chu Đậu, Hợp Lễ...), đi đến dã Vân Đồn, Hội An và vài cảng thị khác ở miền Trung-Bắc. Ở chỗ nào cũng chỉ chăm chăm vào gôm-sứ-cổ.

Trước đó, Trịnh Cao Tường - Đỗ Văn Ninh đã đào được phế tích của chùa Lãm, xếp vào niên đại Trần (thế kỷ 13-14) trên vùng đảo Ngọc Vũng Cống Đông. Ở vùng đảo Quan Lạn - Bẫy Bép chúng tôi lại phát hiện thấy các di tích, di vật thế kỷ 7-9. Bát "Tam thái" (3 màu) các bình vò men ngà 4 núm... Thế là đã rõ, liên tục từ thời tiền-sơ sử đến khoảng các thế kỷ 13, 14, 15, 16, 17 nơi đây là một hệ cảng (multiplex of landings) của nhiều thời, của nhiều dân chài (đánh bắt cá

sông biển) và dân ruộng (làm rẫy, trồng trọt lúa màu trên đảo).

Điều lý thú là ở hang Soi Nhụ, hơn vạn năm về trước, chỉ thấy ốc vượn nước ngọt (mélania). Hang này nay ở ngoài vịnh, cách đất liền không xa. Giới địa chất học Pháp Việt cũng tìm thấy ở đáy Vịnh Hạ Long nhiều dải sông cổ, đổ nước từ đất liền ra tận đảo Hải Nam (ở đầu Công nguyên vẫn là 2 quận của Giao Chỉ).

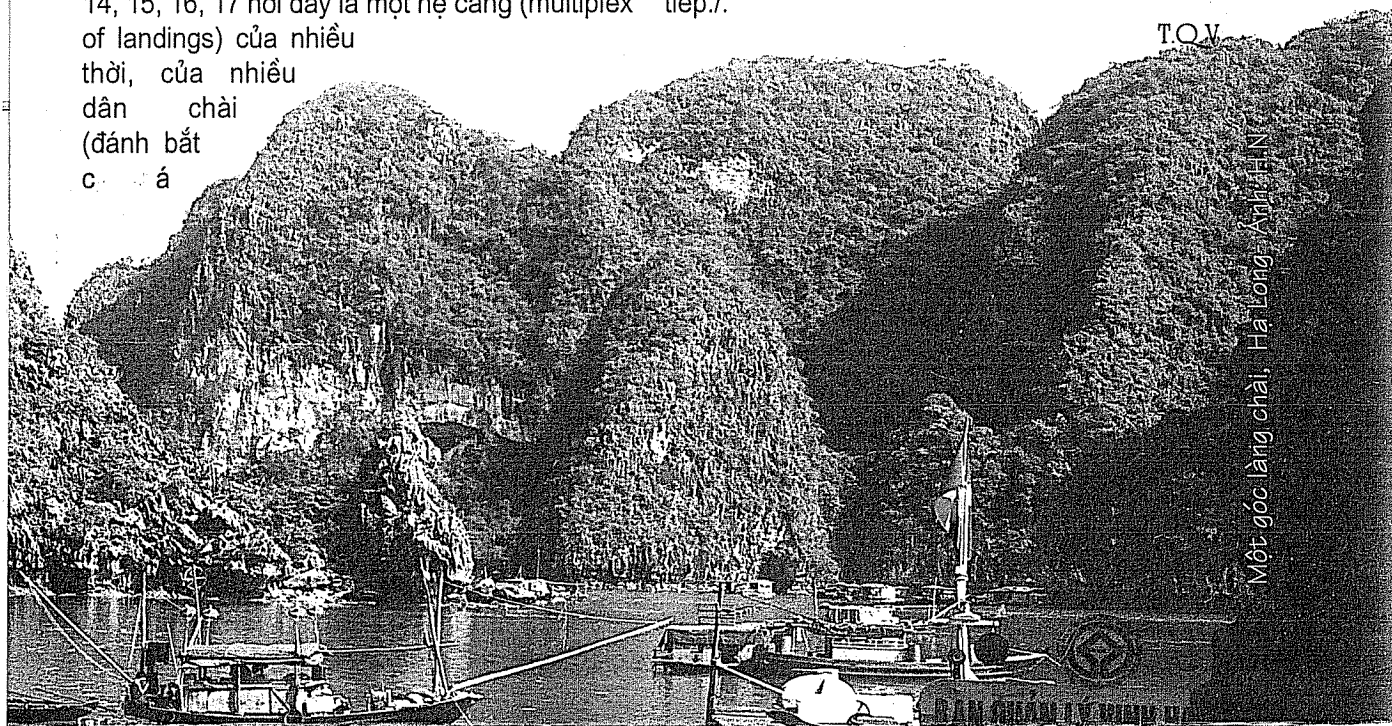
Giữa đảo Hải Nam là núi Lê Mẫu, núi Chúa của người Lê (Đài Ao) mà Karl Paul Benedid, ngay từ 1942 đã xác lập một "dòng chảy ngôn ngữ" Thái-Tày-KaDai - Đài - Indonesian, nổi ngữ hệ Tày-Thái với ngữ hệ Nam Đảo. Huyền thoại khởi nguyên luận của người Lê-Đài Ao-Kẻ Đài cho rằng con Chó thần Giao Chỉ ra Hải Nam "lấy" (giao cấu) với bà Lê Mẫu, sinh ra tộc Lê. Và, khoa Địa chất đã chứng minh qua các ngắn sóng nước giao động mực nước đại dương để lại trên vách nhiều đảo 0-2m, 4m v.v... rằng ngày xưa, có thời lục địa Việt Nam các dải núi Bắc Sơn - Đông Triều Yên Tử nối liền với Hạ Long và nối với Hải Nam. Dưới chân các dải núi hình vòng cung đó, là các dải sông.

#### Vậy xin tạm kết:

Hạ Long là một hệ đảo đá vôi, xưa nổi trên đất, nay chìm dưới nước biển trời bầy, đất-nước đặt, con người sửa sang lại... tạo nên một cảnh kỳ quan - mà "Núi Bài thơ" - nơi vách núi còn khắc bài thơ nổi tiếng của vua Lê Thánh Tông (1456-1497) mà riêng nó thôi đã là một hài hoà thắng cảnh - di tích điển hình.

Chuyện Hạ Long còn dài dài hẹn, kỳ sau sẽ tiếp./.

T.Q.V



Một góc làng chài, Hạ Long, Ảnh: T.Q.V